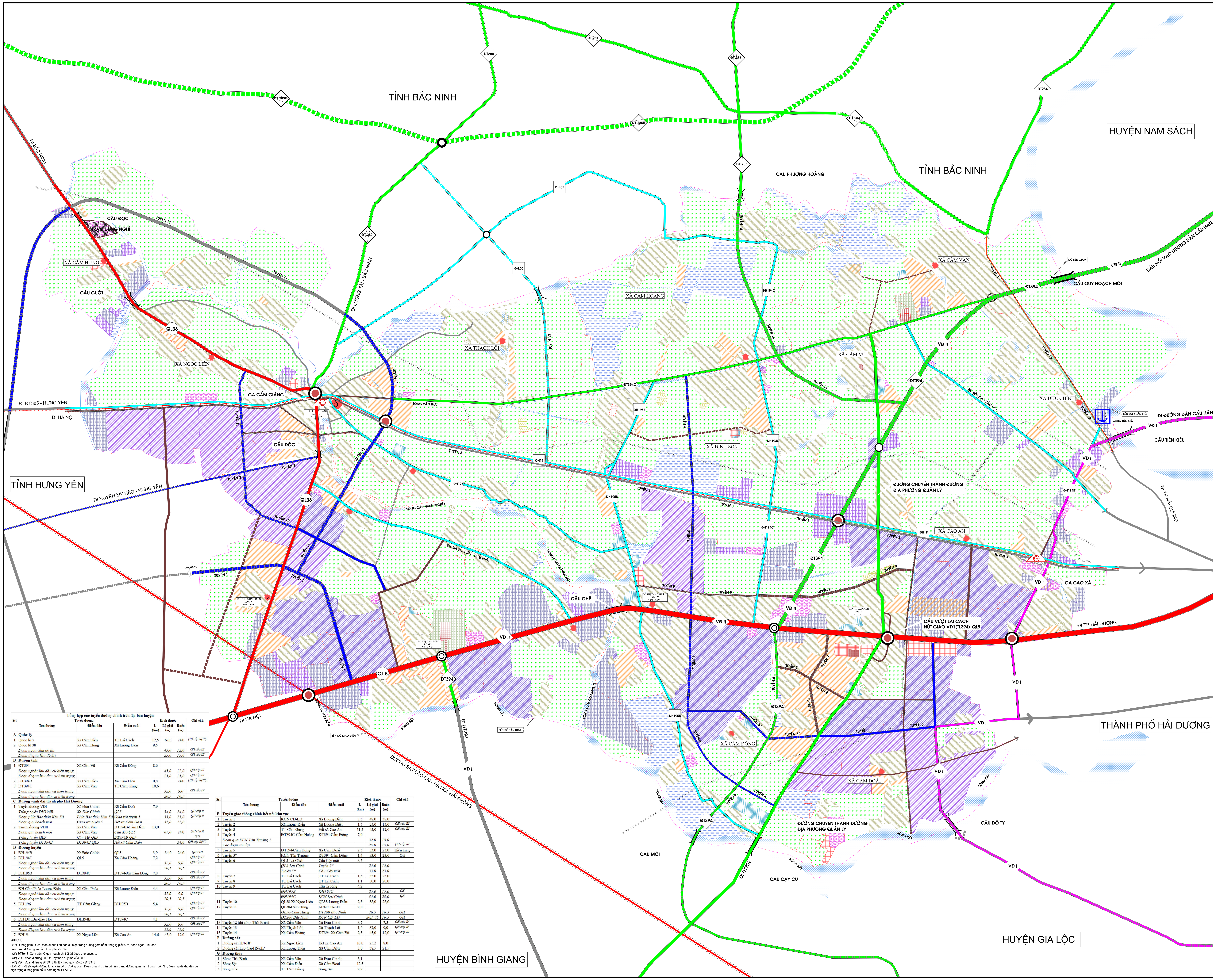

Tổng hợp các tuyến đường chính trên địa bàn huyện

Stt	Tuyến đường: Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Kích thước: L (km)	Lộ giới (m)	Buồn (m)	Ghi chú
A	Quốc lộ						
1	Quốc lộ 5	Xã Cẩm Điền	TT Lai Cách	12,5	67,0	24,0	QH cấp II(1*)
2	Quốc lộ 38	Xã Cẩm Hưng	Xã Lương Điền	9,5			
	Đoạn ngoài khu đô thị				45,0	12,0	QH cấp III
	Đoạn đi qua khu đô thị				25,0	15,0	QH cấp III
B	Đường tỉnh						
1	ĐT394	Xã Cẩm Vũ	Xã Cẩm Đông	8,6			
	Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				45,0	12,0	QH cấp III
	Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng				25,0	15,0	QH cấp III
2	ĐT394B	Xã Cẩm Điền	Xã Cẩm Điền	0,8		24,0	QH cấp II(2*)
3	ĐT394C	Xã Cẩm Văn	TT Cẩm Giang	10,6			
	Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				32,0	9,0	QH cấp IV
	Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng				20,5	10,5	
C	Đường vành đai thành phố Hải Dương						
1	Tuyến đường VĐI	Xã Đức Chính	Xã Cẩm Đoài	7,9			
	Trùng tuyến ĐH194B	*Xã Đức Chính*	*QL5*		34,0	24,0	QH cấp II
	Đoạn phía Bắc thôn Kim Xá	*Phía Bắc thôn Kim Xá*	*Giao với tuyến 5*		33,0	23,0	QH cấp II
	Đoạn quy hoạch mới	*Giao với tuyến 5*	*Hết xã Cẩm Đoài*		37,0	27,0	
2	Tuyến đường VĐII	Xã Cẩm Văn	ĐT394B-Cẩm Điền	13,0			
	Đoạn quy hoạch mới	*Xã Cẩm Văn*	*Cầu Mè-QL5*		67,0	24,0	QH cấp II
	Trùng tuyến QL5	*Cầu Mè-QL5*	*ĐT394B-QL5*				(3*)
	Trùng tuyến ĐT394B	*ĐT394B-QL5*	*Hết xã Cẩm Điền*			24,0	QH cấp II(4*)
D	Đường huyện						
1	ĐH194B	Xã Đức Chính	QL5	3,9	34,0	24,0	QH VĐI
2	ĐH194C	QL5	Xã Cẩm Hoàng	7,2			QH cấp IV
	Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				32,0	9,0	QH cấp IV
	Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng				20,5	10,5	
3	ĐH195B	ĐT394C	ĐT394-Xã Cẩm Đông	7,8			QH cấp IV
	Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				32,0	9,0	QH cấp IV
	Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng				20,5	10,5	
4	ĐH Cẩm Phúc-Lương Điền	Xã Cẩm Phúc	Xã Lương Điền	4,4			QH cấp IV
	Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				32,0	9,0	QH cấp IV
	Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng				20,5	10,5	
5	ĐH 196	TT Cẩm Giang	ĐH195B	5,4			QH cấp IV
	Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				32,0	9,0	QH cấp IV
	Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng				20,5	10,5	
6	ĐH Đền Bia-Hảo Hội	ĐH194B	ĐT394C	4,1			QH cấp IV
	Đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng				32,0	9,0	QH cấp IV
	Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng				22,0	12,0	
7	ĐH19	Xã Ngọc Liên	Xã Cao An	14,6	45,0	12,0	QH cấp III

GHI CHÚ:
- (1*) Đường gom QL5: Đoạn đi qua khu dân cư hiện trạng đường gom nằm trong lộ giới 67m, đoạn ngoài khu dân hiện trạng đường gom nằm trong lộ giới 82m.
- (2*) ĐT394B: Xem bản vẽ quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt....
- (3*) VĐII: đoạn đi trùng QL5 thì lấy theo quy mô của QL5.
- (4*) VĐII: đoạn đi trùng ĐT394B thì lấy theo quy mô của ĐT394B.
- Đối với một số tuyến đường khác cần bố trí đường gom: Đoạn qua khu dân cư hiện trạng đường gom nằm trong HLATGT, đoạn ngoài khu dân cư hiện trạng đường gom bố trí nằm ngoài HLATGT.

Stt	Tuyến đường: Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Kích thước: L (km)	Lộ giới (m)	Buồn (m)	Ghi chú
E	Tuyến giao thông chính kết nối khu vực						
1	Tuyến 1	KCN CĐ-LĐ	Xã Lương Điền	3,5	48,0	38,0	
2	Tuyến 2	Xã Lương Điền	Xã Lương Điền	1,5	25,0	15,0	QH cấp III
3	Tuyến 3	TT Cẩm Giang	Hết xã Cao An	11,5	45,0	12,0	QH cấp III
4	Tuyến 4	ĐT394C-Cẩm Hoàng	ĐT394-Cẩm Đông	7,0			
	Đoạn qua KCN Tân Trường 2				32,0	18,0	
	Các đoạn còn lại				25,0	15,0	QH cấp III
5	Tuyến 5	ĐT394-Cẩm Đông	Xã Cẩm Đoài	2,5	33,0	23,0	Hiện trạng
6	Tuyến 5*	KCN Tân Trường	ĐT394-Cẩm Đông	1,4	33,0	23,0	QH
7	Tuyến 6	QL5-Lai Cách	Cầu Cậy mới	3,5			
		QL5-Lai Cách	*Tuyến 5**		25,0	15,0	
		*Tuyến 5**	*Cầu Cậy mới*		33,0	23,0	
8	Tuyến 7	TT Lai Cách	TT Lai Cách	1,5	35,0	23,0	
9	Tuyến 8	TT Lai Cách	TT Lai Cách	1,1	30,0	20,0	
10	Tuyến 9	TT Lai Cách	Tân Trường	4,2			
		ĐH195B	*ĐH194C*		25,0	15,0	QH
		ĐH194C	*KCN Lai Cách*		35,0	23,0	QH
11	Tuyến 10	QL38-Xã Ngọc Liên	QL38-Lương Điền	2,8	38,0	28,0	
12	Tuyến 11	QL38-Cẩm Hưng	KCN CĐ-LĐ	9,0			
		QL38-Cẩm Hưng	*ĐT280 Bắc Ninh*		26,5	16,5	QH
		ĐT280 Bắc Ninh	*KCN CĐ-LĐ*		20,5-45	16,5	QH
13	Tuyến 12 (đê sông Thái Bình)	Xã Cẩm Văn	Xã Đức Chính	3,7		7,5	QH cấp IV
14	Tuyến 13	Xã Thạch Lỗi	Xã Thạch Lỗi	1,6	32,0	9,0	QH cấp IV
15	Tuyến 14	Xã Cẩm Hoàng	ĐT394-Xã Cẩm Vũ	2,5	45,0	12,0	QH cấp III
F	Đường sắt						
1	Đường sắt HN-HP	Xã Ngọc Liên	Hết xã Cao An	16,0	25,2	8,0	
2	Đường sắt Lào Cai-HN-HP	Xã Lương Điền	Xã Cẩm Điền	3,0	58,5	21,5	
G	Đường thủy						
1	Sông Thái Bình	Xã Cẩm Văn	Xã Đức Chính	5,1			
2	Sông Sặt	Xã Cẩm Điền	Xã Cẩm Đoài	12,5			
3	Sông Ghẽ	TT Cẩm Giang	Sông Sặt	9,7			

KÝ HIỆU

RANH GIỚI HUYỆN — RANH GIỚI XÃ

ĐÔ THỊ LOẠI 4 — ĐÔ THỊ LOẠI 5 — TRUNG TÂM XÃ

KÝ HIỆU BẢN VẼ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRONG HỒ SƠ NHIỆM VỤ VÀ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG KHU CHỨC NĂNG ĐẶC THÙ

HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ		HIỆN TRẠNG	NGẮN HẠN	DÀI HẠN	GHI CHÚ
- QUỐC LỘ	QHV-QHC				TRONG ĐỒ ÁN QHXD VÙNG KÝ HIỆU HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT THEO GIAI ĐOẠN DÀI HẠN CT1: TÊN ĐƯỜNG ĐI TÊN ĐƯỜNG S: DIỆN TÍCH HATCH
- ĐƯỜNG TỈNH	QHV-QHC				
- ĐƯỜNG VÀNH ĐAI TPHD	QHV-QHC				
- ĐƯỜNG HUYỆN	QHV-QHC				
- ĐƯỜNG CHÍNH	QHV-QHC				
- ĐƯỜNG TRỤC XÃ	QHV-QHC				
- ĐƯỜNG ĐÊ	QHV-QHC				
BẾN XE KHÁCH, BUS LIÊN VÙNG,					
BẾN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA					

CẦU — NÚT GIAO CÙNG MỨC

ĐƯỜNG SẮT — NÚT GIAO KHÁC MỨC TRỰC THÔNG

GA ĐƯỜNG SẮT — NÚT GIAO KHÁC MỨC LIÊN THÔNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:........../QĐ-UBND NGÀY .... THÁNG .... NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ:........../BC-SXD NGÀY .... THÁNG .... NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH, TRÌNH DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:........../TTR-UBND NGÀY .... THÁNG .... NĂM 2024

CÔNG TRÌNH, ĐỊA ĐIỂM XD:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN CẨM GIÀNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (LẦN 2)

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÙNG: GIAO THÔNG, CHUẨN BỊ KỸ THUẬT

GHÉP: 01A0 — TỈ LỆ: 1/5000 — HT: NĂM 2024

BẢN VẼ: QH-06

THIẾT KẾ QUY HOẠCH	KTS. NGUYỄN QUANG VINH
THIẾT KẾ HT KỸ THUẬT	KS. PHẠM ĐỨC NHƯỜNG
CHỦ TRÌ, CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN HỮU TOẠI
P. TP PHỤ TRÁCH	KS. PHẠM QUANG ĐỨC
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	THS. KS. NGUYỄN VĂN HÒA

TRUNG TÂM QUY HOẠCH ĐÔ THỊ & NÔNG THÔN

SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN
ĐỊA CHỈ: SỐ 5 ĐƯỜNG THANH NIÊN, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG
TEL: 0220.833.457